TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vy Thị Thơm;

Bà Lý Thị Phẩm.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vương Thị T, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lường Công T, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/4/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Chị Vương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T được tự do tìm hiểu nhau. Anh chị tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là Lộc Bình), huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 08/7/2014. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 04 (bốn) tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do Anh

Lường Công T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ ngay trong thời gian chị mang thai. Ngoài ra, mâu thuẫn vợ chồng còn kinh tế gia đình rất khó khăn nhưng do Anh Lường Công T không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn tin tưởng và yêu thương nhau nữa. Đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn nên anh chị sống ly thân một thời gian nhưng vì thương con nên vợ chồng đoàn tụ. Sau đó, vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không ai có hành động quan tâm, chăm lo cho nhau, gia đình hai bên có biết nhưng không khuyên giải được. Nay, Chị Vương Thị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể chung sống với nhau và yêu cầu được ly hôn với Anh Lường Công T.

Về con chung: Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T có 01 (một) con chung là cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2020 đến nay, cháu Lường Tiến Đ sống với Anh Lường Công T. Do Chị Vương Thị T không có nhà riêng, chị đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ nhưng nhà bố mẹ đẻ của chị xa trường học, bản thân chị đi làm xa, công việc và thu nhập không ổn định nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lường Tiến Đ được. Chị yêu cầu Anh Lường Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Lường Tiến Đ đến khi con trưởng thành. Chị Vương Thị T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng/1 tháng) kể từ ngày 01/7/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Anh Lường Công T trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và con chung như Chị Vương Thị T trình bày là đúng. Theo Anh Lường Công T, mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2016 đến nay vợ chồng đều đi làm xa, mỗi người làm một nơi, không chung sống với nhau nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Việc Chị Vương Thị T trình bày Anh Lường Công T ngoại tình với người phụ nữ khác là không có. Thời gian gần đây, Chị Vương Thị T không về chung sống với anh nữa mà về nhà mẹ đẻ. Anh có gọi điện, nhắn tin nhưng Chị Vương Thị T không trả lời, còn chặn điện thoại của anh. Nay, Chị Vương Thị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng, chăm sóc con. Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2014. Hiện nay, cháu Lường Tiến Đ sống với Anh Lường Công T và ông bà nội của anh Trường ở thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cháu Lường Tiến Đ hiện học lớp 02 trường 19/10 tiểu học P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trường hợp vợ chồng ly hôn, Anh Lường Công T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Tiến Đ, không yêu cầu Chị Vương Thị T cấp dưỡng nuôi con. Anh Lường Công T làm công việc theo dự án có thu nhập khoảng 14.000.000 đồng/1 tháng (mười bốn triệu đồng), có chỗ ở ổn định tại thôn P, Lộc Bình, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; được ông bà nội là ông Lường Văn Đ, sinh năm 1952

và bà Nông Thị K, sinh năm 1950 hỗ trợ, giúp đỡ anh trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Chị Vương Thị T xin ly hôn với Anh Lường Công T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Thấy rằng Anh Lường Công T có chỗ ở, có thu nhập ổn định, từ khi vợ chồng ly thân Anh Lường Công T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và được ông bà nội hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc con đến nay nên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho Anh Lường Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của Chị Vương Thị T là 1.500.000 đồng/1 tháng cho con đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Anh Lường Công T cư trú tại Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

L(nay là thị trấn L), huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 08/7/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân của Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn yêu thương nhau. Thời gian ly thân, không ai liên lạc, quan tâm tới nhau. Anh Lường Công T trình bày không muốn ly hôn nhưng không có hành động gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Chị Vương Thị T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T có 01 con chung là cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2014, đang sống với Anh Lường Công T. Cả Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T đều thống nhất giao con chung là cháu Lường Tiến Đ cho Anh Lường Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành; cháu Lường Tiến Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng bố. Anh Lường Công T trình bày có thu nhập khoảng 14.000.000 đồng/1 tháng (mười bốn triệu đồng) và không yêu cầu Chị Vương Thị T cấp dưỡng nuôi con. Tuy Chị Vương Thị T không có công việc, thu nhập ổn định nhưng vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) từ ngày 01/7/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho trẻ em được phát triển toàn diện nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2014 cho Anh Lường Công T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Vương Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng cho con từ ngày 01/7/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Vương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vương Thị T và Anh Lường Công T đều trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Vương Thị T được ly hôn với Anh Lường Công T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 15 đăng ký ngày 08/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn L), huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Lường Tiến Đ, sinh ngày 10/11/2014 cho Anh Lường Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Vương Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng) cho con kể từ ngày 01/7/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Vương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở Chị Vương Thị T thực hiện quyền này.

3. Về lãi suất chậm trả:

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Nguyên đơn Chị Vương Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Chị Vương Thị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005109 ngày 12/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Chị Vương Thị T phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang